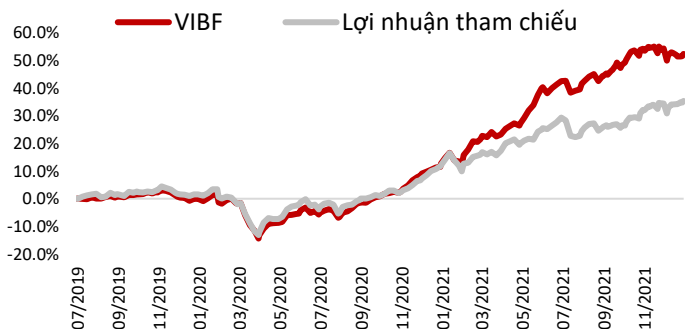


## VIBF Chiến lược đầu tư

- Mục tiêu của Quỹ là giúp nhà đầu tư tiếp cận được những cổ phiếu tiềm năng đồng thời đầu tư vào trái phiếu để giảm thiểu rủi ro biến động giá. Chiến lược phân bổ của Quỹ là 50:50
- Quỹ sẽ tập trung đầu tư vào danh mục các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững, có thị phần lớn, năng lực quản trị tốt, tình hình tài chính vững mạnh và đang được định giá hấp dẫn so với tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của công ty.
- Quỹ cũng sẽ đầu tư vào trái phiếu, giấy tờ có giá và các sản phẩm có thu nhập cố định khác được phát hành bởi những công ty uy tín, có lợi nhuận bền vững và khả năng đáp ứng nguồn vốn tốt, trong khi vẫn đáp ứng được tỷ suất sinh lời yêu cầu của nhà đầu tư.

## Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

## Hiệu suất đầu tư của quỹ VIBF

	VIBF	CSTC
Tổng tài sản Quỹ (tỷ VND)	743,25	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VND)	15.226,60	
Lợi nhuận tháng 11/2021 (%)	(1,0)	0,9
Lợi nhuận từ đầu năm 2021 (%)	35,2	20,6
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	N/A	N/A
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	18,3	12,9
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	52,3	35,4

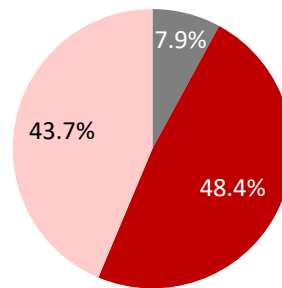
\* CSTC: Chỉ số tham chiếu

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)  
Tel: +84 28 38 27 85 35

## Phân bổ tài sản

### % Giá trị tài sản ròng



■ Tiền mặt ■ CD & Trái phiếu & Tiền gửi ngân hàng ■ Cổ phiếu

## Thông tin quỹ

Ngày thành lập	02/07/2019
Phí quản lý	1,75%/năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> <li>2,0% &lt; 12 tháng</li> <li>1,5% &gt;= 12 tháng</li> <li>0,5% &gt;= 24 tháng</li> </ul>
Mức đầu tư tối thiểu	VND2.000.000 / ~USD87
Ngân hàng Giám sát & Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	Bình quân của VN-Index và lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của Vietcombank.

## Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VIBF	Vn-Index
P/E (x)	15,2	17,5
P/B (x)	3,2	2,8
ROE (%)	25,0	16,1
Lợi suất cổ tức (%)	1,3	1,1
Số lượng chứng khoán	19	404

## Chỉ số danh mục trái phiếu

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	1,03
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7,3

Nguồn: Bloomberg, dự báo của VinaCapital

Tỷ lệ cổ phiếu phân bổ theo ngành

% Giá trị tài sản ròng



Danh mục đầu tư lớn

	Tên	Ngành	Tỷ trọng (%)
Cổ phiếu	HPG	Vật liệu	5,3
	FPT	Công nghệ	5,2
	TCB	Tài chính	3,6
	MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	3,6
Trái phiếu	MSN12003	Tiêu dùng thiết yếu	8,4
	SBT121002	Tiêu dùng thiết yếu	4,1
	KBC121020	Bất động sản	3,9

Cập nhật thị trường và quỹ VIBF

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Lãi suất liên ngân hàng tháng 12 có xu hướng tăng do thanh khoản hệ thống ngân hàng giảm bởi nhu cầu tín dụng cuối năm tăng, tuy nhiên đó là yếu tố mang tính chất thời vụ. Ngân hàng nhà nước cũng đã có những động thái hỗ trợ thanh khoản qua thị trường mở OMO và thông qua việc mua đồng USD giao ngay. Cụ thể, thị trường mở OMO lần đầu hoạt động trở lại kể từ tháng bảy năm nay với khoảng 20,4 nghìn tỷ đồng được bơm qua kênh này thông qua các hoạt động mua lại đảo ngược (reserve repo). Trong khi đó, khoảng 20,4 nghìn tỷ đồng được bơm vào hệ thống thông qua 900 triệu đô la Mỹ được mua giao ngay. Do đó, lãi suất liên ngân hàng tăng 90 điểm cơ bản so với tháng trước, đóng cửa tại 1,57% một năm với kỳ hạn qua đêm; và đóng cửa tại 1,76% một năm (tăng 100 điểm cơ bản so với tháng trước) với kỳ hạn 1 tuần. Trong tháng 1 năm 2022, chúng tôi kỳ vọng áp lực lên thanh khoản liên ngân hàng vẫn còn do đợt Tết nguyên đán 2022 rơi vào tháng này; do đó lãi suất liên ngân hàng dự kiến vẫn trên mức 1% một năm.

Lợi suất TPCP tăng nhẹ từ 1-13 điểm cơ bản trên thị trường thứ cấp cho hầu như tất cả các kỳ hạn; giống như xu hướng lãi suất ở các nước trong khu vực trước quan ngại về việc Fed sẽ sớm tăng lãi suất. Cùng quan ngại đó, trên thị trường sơ cấp, KBNN trong tháng phát hành 30,2 nghìn tỷ đồng TPCP, giảm 11% so với tháng trước. Cụ thể do nhu cầu TPCP ở các kỳ hạn ngắn sụt giảm do lo ngại về xu hướng tăng lãi suất ngắn hạn trong thời gian tới. Theo đó, lãi suất trúng thầu tăng khoảng 16 điểm cơ bản so với tháng trước; và kỳ hạn phát hành tăng lên 17,8 năm so với mức 14,8 năm trong tháng 11. Tính từ đầu năm, KBNN đã phát hành hơn 318 nghìn tỷ đồng, chỉ đạt 85,3% so với kế hoạch năm.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong tháng 12 có 80 đợt phát hành TPDN trong nước với tổng giá trị phát hành là 65,7 nghìn tỷ đồng. Nhóm ngành ngân hàng và bất động sản xếp vị trí thứ nhất và thứ hai về giá trị phát hành; chiếm 71,4% và 14,5%. Lãi suất của trái phiếu ngành ngân hàng dao động từ 2,4-7,1%; trong khi đó lãi suất của ngành bất động sản dao động trong khoảng 11-13% một năm.

CẬP NHẬT THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Chỉ số VN Index tăng 1,3% trong tháng 12/2021, đóng cửa năm ở 1.498,3 điểm, sát với đỉnh lịch sử 1.500,8 điểm ghi nhận trong tháng 11. Cho cả năm 2021, VN Index tăng 35,7%, là mức tăng cao nhất trong khu vực ASEAN và một trong những thị trường chứng khoán có diễn biến tốt nhất trên thế giới.

Với việc nhà đầu tư cá nhân chiếm lĩnh giao dịch trên thị trường, chỉ số VN Mid Cap và VN Small Cap tiếp tục tăng mạnh hơn thị trường chung với mức tăng 7,4% và 7,5% trong tháng, trong khi chỉ số VN30 giảm 0,1%. Giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày trong tháng 12 giảm xuống còn 33,0 nghìn tỷ đồng từ mức kỷ lục 40,1 nghìn tỷ đồng trong tháng 11. Khối ngoại tiếp tục bán ròng 4,7 nghìn tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tháng 12. Tính cả năm 2021, khối ngoại đã bán ròng 62,7 nghìn tỷ đồng.

Số liệu kinh tế vĩ mô trong quý 4 cho thấy rõ sự phục hồi sau khi các quy định về giãn cách xã hội được nới lỏng. GDP quý 4 tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước từ mức giảm 6,0% trong quý 3. Tăng trưởng GDP cả năm 2021 đạt 2,6%, thấp hơn một chút so với 2,9% của năm 2020. Hầu hết các số liệu khác cũng cho thấy sự tích cực. Xuất khẩu và nhập khẩu cả năm 2021 tăng 19,0% và 26,5%, đạt 336,3 tỷ USD và 332,3 tỷ USD, mang lại 4,0 tỷ USD thặng dư thương mại. Sản xuất công nghiệp tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 12 và 4,8% trong cả năm 2021. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cũng tăng 1,1% so với cùng kỳ trong tháng 12, tuy nhiên vẫn giảm 3,8% trong cả năm 2021 do nhiều tháng giãn cách xã hội.

Năm 2021 đã kết thúc với kết quả tốt hơn kỳ vọng cho hầu hết các nhà đầu tư cổ phiếu. Cho năm 2022, chúng tôi kỳ vọng vào sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Bloomberg, lợi nhuận của các công ty niêm yết trên HOSE được dự báo sẽ tăng 26% trong năm 2022, đẩy mức P/E của VN Index xuống còn 13,9 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5 năm và các thị trường mới nổi khu vực ASEAN. Quốc hội cũng đang thảo luận về gói hỗ trợ kinh tế - xã hội với tổng giá trị 347 nghìn tỷ đồng, được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2022-2023 và mang đến tâm lý tích cực cho thị trường chứng khoán.

CẬP NHẬT QUỸ VIBF

Giá trị tài sản ròng/CCQ của Quỹ đã giảm nhẹ 1,0% trong tháng 12. Một số cổ phiếu trong danh mục đầu tư mang lại lợi nhuận tích cực bao gồm SZC (+15,5%), PHR (+2,9%), STB (+22,8%), and HDC (+4,4%), trong khi HPG, FPT và TCB là một trong những cổ phiếu có tác động tiêu cực lên danh mục.

SZC tăng 15,5% trong tháng 12 nhờ kỳ vọng tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ trong năm 2022E từ bán dự án đất Hữu Phước ở cùng như bán đất khu công nghiệp (KCN). SZC là một trong những nhà phát triển KCN hàng đầu tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, với quỹ đất rộng, sạch với chi phí thấp. Chúng tôi tin rằng SZC sẽ là một trong những đơn vị được hưởng lợi chính từ các dự án cơ sở hạ tầng lớn, bao gồm Cảng Cái Mép, Sân bay Quốc tế Long Thành và đường cao tốc Biên Hòa-Vũng Tàu trong tương lai, cũng như việc các công ty nước ngoài tiếp tục di dời vào Việt Nam.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2019								0,70%	0,80%	0,70%	-1,56%	-0,73%	-0,05%
2020	-1,31%	-0,60%	-12,68%	6,58%	3,66%	-0,42%	-0,95%	5,55%	2,40%	1,61%	5,70%	3,96%	12,67%
2021	-0,41%	8,27%	1,46%	3,33%	9,86%	1,91%	-0,71%	1,97%	2,90%	3,85%	-0,23%	-1,03%	35,22%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.